TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 2525/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20/12/2021
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Lượng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa*:**

Ông Vũ Lê Quang Đạo – Kiểm sát viên.

Ngày 20/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 143/2021/TLST–HNGĐ ngày 18/02/2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5710/2021/QĐXXST -HNGĐ ngày 29/11/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị Ngọc L, sinh năm: 1984 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: quận Thủ Đức (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh;

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: quận Thủ Đức (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Mai Thị Ngọc L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 142, quyển số 01/2004 do UBND phường Trường Thọ, quận Thủ Đức (Thành phố Thủ Đức) cấp ngày 12/10/2004. Sau kết hôn vợ chồng sinh sống tại nhà: quận Thủ Đức (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mâu thuẫn trong tiền bạc, không có tiếng nói chung, không có sự lắng nghe trong mâu thuẫn gia đình, vợ chồng chung sống như ly thân với nhau. Tại Tòa án bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên tôi yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hữu T

- Bà Mai Thị Ngọc L có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 08/11/2021 vì lý do

bận công việc không thể tham gia phiên tòa.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hữu Tr (Nam), sinh ngày: 10/4/2002 – đã trưởng thành; Nguyễn Mai Gia B (Nam), sinh ngày: 11/09/2011. Sau ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- Về cấp dưỡng: Bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; nợ chung: Bà tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn: Căn cứ vào kết quả xác minh về tình trạng cư trú của Công an phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức thì: Đương sự Nguyễn Hữu T có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại: quận Thủ Đức (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh;

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn xin được xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Nguyễn Hữu T đã được toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án, cũng không có ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự có mặt chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành các thủ tục hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào kết quả xác minh về tình trạng cư trú của Công an phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức thì bị đơn ông Nguyễn Hữu T có hộ khẩu thường trú và đang thực tế cư trú tại địa chỉ số: quận Thủ Đức (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do bận công việc, bị đơn đã được toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 1 Điều 238

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

2. Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn, hội đồng xét xử nhận thấy.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Ngọc L và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 142, quyển số 01/2004 do UBND phường Trường Thọ, quận Thủ Đức (Thành phố Thủ Đức) cấp ngày 12/10/2004. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa ông, bà là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào theo trình bày của nguyên đơn tại bản tự khai, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì bà Mai Thị Ngọc L và ông Nguyễn Hữu T kết hôn tự nguyện, quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vì không thể giải quyết được mâu thuẫn, không còn khả năng hàn gắn nên bà Mai Thị Ngọc L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bà xác nhận ngoài các chứng cứ giao nộp cho Toà án, không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác. Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn, đoàn tụ gia đình nhưng nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng với ông Nguyễn Hữu T đã không còn, không thể hàn gắn, đoàn tụ nên bà kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn; vì lý do bận công việc bà có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu T cũng đã được Tòa án tiến hành xác minh địa chỉ cư trú, triệu tập nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, cũng không có bất cứ văn bản ghi nhận ý kiến nào gửi cho Tòa án đối với yêu cầu ly hôn của bà Mai Thị Ngọc L. Do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên Tòa án tiến hành hoãn phiên tòa theo thủ tục pháp luật quy định và tiến hành tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, điều này cho thấy ông Nguyễn Hữu T cũng không còn sự quan tâm, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà Mai Thị Ngọc L.

Xét, vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ, có tình nghĩa vợ chồng nhưng theo những gì nguyên đơn trình bày cho thấy quan hệ hôn nhân bà Mai Thị Ngọc L và ông Nguyễn Hữu T hiện tại đã lâm vào tình trạng trầm trọng nên mục đích hôn nhân cũng không thể đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

2.2. Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự cũng như giấy khai sinh do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định con tên Nguyễn Hữu Tr (Nam), sinh ngày: 10/4/2002 – đã trưởng thành; Nguyễn Mai Gia B (Nam), sinh ngày: 11/09/2011 là con chung của bà Mai Thị Ngọc L và ông Nguyễn Hữu T, nguyên đơn có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con, bị đơn ông Nguyễn Hữu T không có ý kiến gì về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao con chung cho bà Mai Thị Ngọc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.3. Về tài sản chung; nợ chung: Đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 1 Điều 238, Điều 264, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Ngọc L

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Mai Thị Ngọc L và ông Nguyễn Hữu T

1.2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Mai Gia B (Nam), sinh ngày: 11/09/2011 cho bà Mai Thị Ngọc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; con tên Nguyễn Hữu Tr (Nam), sinh ngày: 10/4/2002 – đã trưởng thành;

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Về tài sản chung; nợ chung: Đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Mai Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0058701 ngày 08/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà Mai Thị Ngọc L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Kim Trang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**